

Số: 138/2024/QĐST-HNGĐ

Sơn Trà, ngày 27 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 126/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu:*

- Ông **Đặng Anh T**, sinh năm 1976. Nơi cư trú: **số nhà H T, tổ C, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.**
- Bà **Hồ Thị P**, sinh năm 1976. Nơi cư trú: **số nhà H T, tổ C, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2024, người yêu cầu là ông **Đặng Anh T** và bà **Hồ Thị P** đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông **Đặng Anh T** và bà **Hồ Thị P** tự nguyện kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng** (Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số I/01 ngày 09/5/2001). Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không hạnh phúc do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, gây gổ nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được. Nay ông bà đều xác định không còn tình cảm gì với nhau và đã thuận tình ly hôn nên ông bà yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai vợ chồng.

[2] Về con chung: ông **Đặng Anh T** và bà **Hồ Thị P** xác định vợ chồng có 03 con chung là **Đặng Anh C**, sinh ngày 13/9/2002, **Đặng Thảo V**, sinh ngày 03/6/2004 và **Đặng Anh T1**, sinh ngày 14/4/2015.

Khi ly hôn ông bà đã thỏa thuận giao con chung **Đặng Anh T1** cho ông **Đặng Anh T** trực tiếp nuôi dưỡng, bà **Hồ Thị P** cấp dưỡng nuôi con **Đặng Anh T1** mỗi tháng 3000.000 đồng cho đến khi con **Đặng Anh T1** đủ 18 tuổi. Đối với con chung **Đặng Anh C** và **Đặng Thảo V** đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: ông **Đặng Anh T** và bà **Hồ Thị P** không yêu cầu Tòa án giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận.

[4] Về nợ chung: ông **Đặng Anh T** và bà **Hồ Thị P** đều xác định không có nợ chung.

[5] Lệ phí việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng, ông **Đặng Anh T** và bà **Hồ Thị P** mỗi người phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0002636 ngày 11/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: ông **Đặng Anh T** và bà **Hồ Thị P** thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số I/01 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/5/2001 không còn giá trị pháp luật).

* Về con chung: ông **Đặng Anh T** và bà **Hồ Thị P** xác định vợ chồng có 03 con chung là **Đặng Anh C**, sinh ngày 13/9/2002, **Đặng Thảo V**, sinh ngày 03/6/2004 và **Đặng Anh T1**, sinh ngày 14/4/2015.

Khi ly hôn ông bà đã thỏa thuận giao con chung **Đặng Anh T1** cho ông **Đặng Anh T** trực tiếp nuôi dưỡng, bà **Hồ Thị P** cấp dưỡng nuôi con **Đặng Anh T1** mỗi tháng 3000.000 đồng cho đến khi con **Đặng Anh T1** đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10/7/2024.

Đối với con chung **Đặng Anh C** và **Đặng Thảo V** đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Các bên có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm. Khi cần thiết vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

* Về tài sản chung: ông **Đặng Anh T** và bà **Hồ Thị P** không yêu cầu Toà án giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận.

* Về nợ chung: ông **Đặng Anh T** và bà **Hồ Thị P** đều xác định không có nợ chung.

2. Lệ phí việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng, ông **Đặng Anh T** và bà **Hồ Thị P** mỗi người phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0002636 ngày 11/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND quận Sơn Trà;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Phước Hòa

